

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Đức Bình

Bà Trần Thị Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 333/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Ấp HP, xã HT, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà O: Ông Vũ Văn T – Luật sư Văn phòng Luật sư Vũ T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm: 1975.

Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số 6/3, ấp QĐ, xã ĐH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H (*theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 01/4/2020*): Anh Đinh Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 6/3, ấp QĐ, xã ĐH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Bà O, anh H có mặt, Luật sư Tăng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 12/5/2020, các bản tự khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Xuất phát từ sự quen biết, do cần vốn làm ăn và trang trải nợ nần nên vợ chồng anh Đinh Văn H và chị Đoàn Thị Thanh H có vay của bà số tiền 655.000.000 đồng. Số tiền trên được ghi bằng hai giấy vay trong cùng một ngày, một giấy ghi vay số tiền 525.000.000 đồng, một giấy ghi vay số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận miệng (không ghi trong giấy vay) là 1,5%/tháng. Việc giao nhận tiền vay có mặt cả hai vợ chồng anh H và chị H, trong giấy vay tiền vợ chồng anh H, chị H ký nhận đầy đủ. Ngoài ra, còn có nhiều khoản nợ lật vặt khác mà anh H, chị H viết giấy thống kê lại số nợ là 234.950.000 đồng. Tổng cộng 03 khoản nợ trên là 889.950.000 đồng. Về lãi suất cho vay, mặc dù hai bên có thống nhất trả lãi suất cao hơn lãi suất ngân hàng, tuy nhiên, bà chỉ tính 1%/tháng. Như vậy, số tiền lãi được tính từ ngày vay (30/4/2019) đến ngày 30/12/2019 là 08 tháng x 889.950.000 đồng x 1% là 71.196.000 đồng.

Do vợ chồng anh H, chị H vay mà không trả tiền lãi đúng như thỏa thuận. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh H trả số tiền vay trên nhưng vợ chồng anh H đưa ra nhiều lý do không chính đáng, cố tình chiếm dụng tiền của bà để kinh doanh, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Đinh Văn H cùng vợ là chị Đoàn Thị Thanh H phải trả cho bà số tiền là 961.146.000 đồng, (trong đó tiền gốc là 889.950.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2019 là 71.196.000 đồng).

Ngày 12/5/2020, nguyên đơn Bà O có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Đinh Văn H và chị Đoàn Thị Thanh H phải trả cho bà số tiền 740.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 655.000.000 đồng (theo 02 giấy vay tiền lập ngày 30/4/2019) và tiền lãi tạm tính là 1%/tháng kể từ ngày 30/4/2019 đến ngày 30/5/2020 là 85.150.000 đồng ($655.000.000 \times 1\% \times 13$ tháng). Lý do của việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là ngoài số tiền 234.950.000 đồng đã thống kê, còn có các khoản nợ lật vặt khác nguyên đơn chưa thống kê đầy đủ. Nên rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền vay này, làm rõ sẽ khởi kiện sau.

Ngày 24/8/2020, nguyên đơn bà O có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H, chị H phải trả cho bà số tiền

nợ gốc theo hai giấy vay nợ lập ngày 30/4/2019 là 655.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo văn bản đề ngày 24/8/2020 nêu trên.

Tại bản tự khai của bị đơn anh Đinh Văn H đề ngày 07/01/2020, bản tự khai của chị Đoàn Thị Thanh H và anh Đinh Văn H đề ngày 13/01/2020, Biên bản lấy lời khai đương sự đề ngày 13/02/2020 và Biên bản lấy lời khai đương sự đề ngày 30/3/2020 anh H, chị H trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo như đơn khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh chị trả cho nguyên đơn 03 khoản nợ theo hai giấy vay nợ đề cùng ngày 30/4/2019 và 01 giấy nguyên đơn tự liệt kê số tiền vợ chồng anh chị còn thiếu nợ và số tiền lãi phát sinh từ các khoản nợ trên, vợ chồng anh chị không đồng ý. Vợ chồng anh chị chỉ đồng ý trả số tiền 525.000.000 đồng theo giấy vay nợ đề ngày 30/4/2019. Đối với hai khoản vay còn lại anh chị không đồng ý vì: mặc dù khoản tiền 130.000.000 đồng ghi trong giấy vay đề ngày 30/4/2019 là do chị H tự viết; chữ ký trong hai giấy vay này là của vợ chồng anh chị nhưng thực sự số tiền này đã nằm trong số tiền 525.000.000 đồng, không có việc vay riêng. Đối với số tiền Bà O tự lập bảng kê 234.950.000 đồng, vợ chồng anh chị không đồng ý trả vì vợ chồng anh chị không ký nhận nợ, thực chất số tiền này cũng đã nằm trong số tiền viết giấy vay 525.000.000 đồng trên.

Lý do của việc chị H viết 02 giấy vay tiền cùng ngày 30/4/2019 vay với hai khoản tiền là 525.000.000 đồng và 130.000.000 đồng là vì Bà O bảo chị H viết giấy vay số tiền 525.000.000 đồng trước, viết xong tờ giấy vay này thì Bà O yêu cầu vợ chồng anh chị ký và anh chị đã ký. Tiếp sau đó, Bà O yêu cầu chị H viết tiếp giấy vay với số tiền 130.000.000 đồng vì Bà O cho rằng viết giấy này mục đích chỉ để Bà O về đưa cho con trai bà xem, chứng tỏ bà cho vay số tiền ít thì con bà mới đồng ý, còn nếu vay nhiều thì con bà không đồng ý.

Về nguồn gốc khoản nợ 525.000.000 đồng: Xuất phát từ đầu tháng 10/2018, vợ chồng anh chị có vay của bà O số tiền 200.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, việc vay này không có giấy tờ gì. Đến khoảng tháng 4/2019, vợ chồng anh chị có vay thêm của bà O số tiền 130.000.000 đồng để mua nhà đất, khoản vay này cũng không viết giấy tờ. Số tiền còn lại, xuất phát từ việc bà O trả dùm anh chị số nợ mà anh chị nợ của những người khác và tiền mà anh H mượn bà O mua đá làm mộ bia. Về khoản này, anh chị sẽ liệt kê chi tiết và nộp chứng cứ cho Tòa án.

Về thỏa thuận thời hạn trả lãi, mức lãi suất: Khi viết giấy vay nợ đề ngày 30/4/2019, bà O không ghi lãi suất bao nhiêu và thời hạn trả lãi khi nào. Lý do không đề cập là vì bà O có góp vốn làm đá hoa cương chung với vợ chồng anh chị. Bà O bảo với anh H cứ thu tiền từ khách hàng về rồi đưa cho bà, bà sẽ tính toán lãi, lỗ trong việc làm đá hoa cương, số tiền lãi từ việc kinh doanh đá hoa cương bà sẽ căn trừ vào tiền lãi vay và gốc vay cho vợ chồng anh chị.

Về việc trả nợ vay: Trong thời gian từ tháng 4/2019 đến đầu tháng 8/2019, anh H có thu về số tiền ráp mộ cả vốn lẫn lãi là 270.000.000 đồng, anh H đã đưa toàn bộ số tiền này cho bà O nhưng không viết giấy tờ. Đầu tháng 8/2019, do hai bên xảy ra mâu thuẫn trong việc làm ăn nên bà O đã lấy đá hoa cương, mộ, máy bơm về không làm ăn chung nữa. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà O yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền lãi là 27.000.000 đồng/tháng (số lãi này tính cho 03 khoản nợ bà O nêu trên) vợ chồng anh không đồng ý nên bà O kiện ra tòa.

Về lãi suất cho vay: Mặc dù không ghi trong giấy vay tiền mức lãi suất nhưng thực tế vợ chồng anh chị phải trả lãi với số tiền 40.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 01/2019 đến đầu tháng 08/2019, anh H đã trả cho bà O rất nhiều tiền nhưng không viết giấy tờ.

Vì vậy, anh H, chị H chỉ đồng ý trả số tiền 525.000.000 đồng theo giấy vay lập ngày 30/4/2019 cho bà O, còn các khoản vay khác, anh chị không đồng ý.

Tại phiên tòa, anh H là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị H đồng ý trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà O là 655.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng và đầy đủ quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của bà O là có cơ sở vì giấy 02 giấy vay tiền đều có chữ ký của bị đơn, việc vay mượn là có thật. Tại phiên tòa, bị đơn anh H và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị H đồng ý trả cho bà O số tiền 655.000.000 đồng như yêu cầu của nguyên đơn nhưng do các bên không thỏa thuận được với nhau về phương thức và thời gian trả nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng ghi nhận sự tự nguyện của phía bị đơn, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà O.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị O nộp đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Đinh Văn H và chị Đoàn Thị Thanh H, cùng địa chỉ tại khu 5, ấp QĐ, xã ĐH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai trả cho bà số tiền theo hai giấy vay tiền lập cùng ngày 30/4/2019 là 655.000.000 đồng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Nguyễn Thị O được xác định là nguyên đơn (chồng bà O là ông Trương Văn S đã chết năm 2017); anh Đinh Văn H và chị Đoàn Thị Thanh H được xác định là bị đơn; quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đoàn Thị Thanh H đã ủy quyền hợp pháp cho chồng là anh Đinh Văn H tham gia tố tụng. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Vũ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O đồng ý xét xử vắng mặt ông Tăng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và ông Tăng theo quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, bà O yêu cầu vợ chồng anh H, chị H phải trả cho bà số tiền 655.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền lập cùng ngày 30/4/2019, không yêu cầu tính lãi đối với hai khoản nợ gốc trên. Tại phiên tòa, bị đơn anh Đinh Văn H đồng ý trả số tiền 655.000.000 đồng theo yêu cầu của bà O nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc vay nợ giữa hai bên là có thật, chữ ký, chữ viết trong hai giấy vay tiền lập cùng ngày 30/4/2019 được vợ chồng bị đơn thừa nhận là của mình. Tại phần Tranh tụng tại phiên tòa, bị đơn đã đồng ý trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên hai bên không thỏa thuận được phương thức thanh toán và thời gian trả nợ. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Tại phiên tòa bà O tự nguyện chịu số tiền án phí là 10.000.000 đồng nên ghi nhận. Bị đơn anh H, chị H phải chịu số tiền án phí còn lại.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 220, 227, khoản 1 Điều 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O đối với bị đơn anh Đinh Văn H, chị Đoàn Thị Thanh H về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc anh Đinh Văn H và chị Đoàn Thị Thanh H phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền là 655.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng). Phần nghĩa vụ liên đới của anh H và chị H là bằng nhau.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Đinh Văn H và chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 20.200.000 đồng (hai mươi triệu, hai trăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị O phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 20.430.000 đồng tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai thu 0007480 ngày 19/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền tạm ứng án phí là 10.430.000 đồng.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;

Mẫu 52-DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Phạm Phú Tra